



**Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam -
Công ty Cổ phần**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2017



Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam – Công ty Cổ phần

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 37



Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam – Công ty Cổ phần

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam – Công ty Cổ phần (“Tổng Công ty”) được cổ phần hóa theo Quyết định số 446/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ và được Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) Công ty Cổ phần số 0300585984 ngày 31 tháng 12 năm 2014, và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Tổng Công ty là sản xuất và kinh doanh dầu, mỡ động, thực vật.

Tổng Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 58 Đường Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và chi nhánh đặt tại số 8 Đường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Kim Thành	Chủ tịch
Ông Trần Lê Nguyễn	Thành viên
Ông Nguyễn Hùng Cường	Thành viên
Ông Đinh Quốc Hưng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Trang	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2017
Bà Huỳnh Ngọc Nữ Phương Nga	Thành viên	bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2017
Bà Trần Thị Hồng Lĩnh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2017
Bà Lê Nguyễn Thị Mai Ngân	Trưởng ban	từ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2017
Ông Văn Tích Vĩnh	Thành viên	từ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Oanh	Thành viên	từ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2017

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Hùng Cường	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Dương Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 28 tháng 2 năm 2017
Ông Đinh Quốc Hưng	Phó Tổng Giám đốc	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Tổng Công ty.

Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam – Công ty Cổ phần

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam – Công ty Cổ phần (“Tổng Công ty”) hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tổng Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Tổng Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Tổng Công ty cũng đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty và công ty con (“Tập đoàn”) cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc: 

Nguyễn Thị Xuân Liễu
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

Số tham chiếu: 61352465/19456123-LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam – Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam – Công ty Cổ phần ("Tổng Công ty") được lập ngày 14 tháng 8 năm 2017 và được trình bày từ trang 5 đến trang 37, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Tổng Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty và công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này và báo cáo soát xét của chúng tôi đề ngày 14 tháng 8 năm 2017 đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần.

Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính riêng đó vào ngày 24 tháng 2 năm 2017. Đồng thời, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 cũng được doanh nghiệp kiểm toán này soát xét và đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đó vào ngày 10 tháng 8 năm 2016.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
ERNST & YOUNG
VIỆT NAM
QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

Hàng Nhật Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số 1772-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam –
Công ty Cổ phần

B01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.040.585.481.902	911.787.441.544
110	I. Tiền	4	169.839.059.771	126.872.599.785
111	1. Tiền		169.839.059.771	126.872.599.785
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		284.441.563.496	131.805.834.641
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	11.1	284.441.563.496	131.805.834.641
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		265.296.556.625	306.528.388.980
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	262.583.285.212	304.649.150.823
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	226.762.810	1.353.175.585
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	5	6.409.380.246	5.306.897.108
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5	(5.490.803.357)	(5.490.803.357)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		1.567.931.714	709.968.821
140	IV. Hàng tồn kho	6	275.711.171.454	314.504.336.746
141	1. Hàng tồn kho		276.012.549.064	314.504.336.746
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(301.377.610)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		45.297.130.556	32.076.281.392
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	3.903.205.745	1.907.606.826
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		25.926.079.566	14.025.073.776
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	15.467.845.245	16.143.600.790

Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam –
Công ty Cổ phần

B01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.210.786.404.517	1.401.491.579.382
210	I. Phải thu dài hạn		265.000.000	265.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác		265.000.000	265.000.000
220	II. Tài sản cố định		188.900.888.844	199.232.015.937
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	187.581.060.783	197.860.177.842
222	Nguyên giá		403.228.191.365	402.084.382.118
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(215.647.130.582)	(204.224.204.276)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	1.319.828.061	1.371.838.095
228	Nguyên giá		4.660.083.240	4.660.083.240
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(3.340.255.179)	(3.288.245.145)
230	III. Bất động sản đầu tư	10	5.504.802.330	5.771.220.512
231	1. Nguyên giá		13.541.739.732	13.541.739.732
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(8.036.937.402)	(7.770.519.220)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		3.974.115.000	3.974.115.000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		3.974.115.000	3.974.115.000
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	11.2	989.322.427.660	1.166.595.381.660
251	1. Đầu tư vào công ty con		76.703.848.000	114.604.406.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		938.164.071.361	1.099.183.414.184
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		21.646.946.823	-
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(47.192.438.524)	(47.192.438.524)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		22.819.170.683	25.653.846.273
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	7	22.819.170.683	25.653.846.273
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.251.371.886.419	2.313.279.020.926


Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam –
Công ty Cổ phần


B01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017


VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		633.299.157.363	774.803.865.248
310	I. Nợ ngắn hạn		620.173.203.437	761.654.411.322
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	12.455.270.482	311.939.779.459
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	5.308.534.797	9.944.862.703
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	1.188.665.347	1.127.227.743
314	4. Phải trả người lao động		6.972.092.000	5.289.016.000
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	2.642.154.774	4.646.245.098
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	14.402.806.073	69.966.842.653
320	7. Vay ngắn hạn	17	566.489.723.303	353.381.269.190
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18	10.713.956.661	5.359.168.476
330	II. Nợ dài hạn		13.125.953.926	13.149.453.926
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	474.327.000	497.827.000
338	2. Vay dài hạn	17	12.651.626.926	12.651.626.926
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.618.072.729.056	1.538.475.155.678
410	I. Vốn chủ sở hữu	19.1	1.618.072.729.056	1.538.475.155.678
411	1. Vốn cổ phần		1.218.000.000.000	1.218.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.218.000.000.000	1.218.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		32.300.000.000	5.100.000.000
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		367.772.729.056	315.375.155.678
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		274.575.155.678	43.353.347.587
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		93.197.573.378	272.021.808.091
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.251.371.886.419	2.313.279.020.926


Nguyễn Phương Minh
Người lập


Hồ Minh Sơn
Kế toán trưởng




Nguyễn Thị Xuân Liễu
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2017


Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam –
Công ty Cổ phần


B02a-DN


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	1.959.668.161.680	1.813.002.810.081
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20.1	(645.815.891)	(200.513.198)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	1.959.022.345.789	1.812.802.296.883
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	21	(1.893.275.594.324)	(1.698.224.443.068)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		65.746.751.465	114.577.853.815
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	98.788.414.606	92.419.473.157
22	7. Chi phí tài chính	22	(14.313.247.351)	6.182.435.816
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(13.124.841.754)	(13.477.569.870)
25	8. Chi phí bán hàng	23	(27.712.423.774)	(22.448.403.367)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(32.383.130.502)	(30.845.143.587)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		90.126.364.444	159.886.215.834
31	11. Thu nhập khác		3.110.356.478	217.024.466
32	12. Chi phí khác		(39.147.544)	(270.264.072)
40	13. Lợi nhuận (lỗ) khác		3.071.208.934	(53.239.606)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		93.197.573.378	159.832.976.228
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26	-	-
60	16. Lợi nhuận thuần sau thuế		93.197.573.378	159.832.976.228


Nguyễn Phương Minh
Người lập


Hồ Minh Sơn
Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Xuân Liễu
Tổng Giám đốc



Ngày 14 tháng 8 năm 2017

Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam –
Công ty Cổ phần

B03a-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		93.197.573.378	159.832.976.228
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	8, 9, 10	11.741.354.522	13.258.824.478
03	Các khoản dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		301.377.610	(67.759.314.000)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(94.001.743.176)	(89.097.317.551)
06	Chi phí lãi vay	22	13.124.841.754	13.477.569.870
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		24.363.404.088	29.712.739.025
09	Giảm các khoản phải thu		63.292.185.168	115.712.514.973
10	Giảm hàng tồn kho		38.491.787.682	93.527.607.205
11	Giảm các khoản phải trả		(360.294.505.419)	(91.736.133.837)
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		839.076.671	(3.775.390.103)
14	Tiền lãi vay đã trả		(12.798.286.518)	(14.070.790.804)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(8.245.211.815)	(1.377.715.622)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(254.351.550.143)	127.992.830.837
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(474.841.818)	(5.595.109.717)
23	Tiền chi mua trái phiếu và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		(202.635.728.855)	(100.270.949.182)
24	Tiền thu hồi từ tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		50.000.000.000	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(3.846.912.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		181.600.000.000	50.000.000.000
27	Tiền thu từ cổ tức và lợi nhuận được chia		55.720.126.689	136.019.512.691
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		84.209.556.016	76.306.541.792

Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam –
Công ty Cổ phần


B03a-DN


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền vay nhận được	17	1.627.625.156.497	1.224.066.821.525
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	17	(1.414.516.702.384)	(1.253.762.635.100)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		213.108.454.113	(29.695.813.575)
50	Tăng tiền thuần trong kỳ		42.966.459.986	174.603.559.054
60	Tiền đầu kỳ		126.872.599.785	85.329.190.049
70	Tiền cuối kỳ	4	169.839.059.771	259.932.749.103


Nguyễn Phương Minh
Người lập


Hồ Minh Sơn
Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Xuân Liễu
Tổng Giám đốc



Ngày 14 tháng 8 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam – Công ty Cổ phần (“Tổng Công ty”) được cổ phần hóa theo Quyết định số 446/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ và được Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) Công ty Cổ phần số 0300585984 ngày 31 tháng 12 năm 2014, và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Tổng Công ty là sản xuất và kinh doanh dầu, mỡ động, thực vật.

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

Tổng Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 58 Đường Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và chi nhánh đặt tại số 8 Đường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 288 (31 tháng 12 năm 2016 là: 326).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Tổng Công ty có công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 11.2.1. Tổng Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Tổng Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty và công ty con (“Tập đoàn”) cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 để ngày 14 tháng 8 năm 2017.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn đã đề cập trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

2.2 Các chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tổng Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tổng Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|--|---|
| Nguyên vật liệu, hàng hóa | - Giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tổng Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, bao gồm giá trị của quyền sử dụng đất đã được Tổng Công ty mua hoặc thuê. Thời gian hữu dụng của các quyền sử dụng đất được đánh giá theo thời hạn sử dụng của các quyền sử dụng đất. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn là quyền sử dụng đất đã thuê và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo thời hạn thuê, còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được phân bổ.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	3 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 12 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Quyền sử dụng đất	46 năm
Phần mềm máy tính	8 năm

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tổng Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Bất động sản đầu tư (tiếp theo)

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc 16 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng nhà máy, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào hoạt động.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tổng Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh, là giá trị được tạo ra từ hoạt động của một Tổng Công ty Nhà nước kể từ ngày thành lập cho đến ngày thực hiện định giá và cổ phần hóa, được xác định theo Thông tư số 127/2014/TT-BTC ("Thông tư 127") của Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2014. Giá trị lợi thế kinh doanh đã được đánh giá lại trong năm 2015 theo Biên bản Quyết toán cổ phần hóa ngày 22 tháng 12 năm 2015. Theo Thông tư 127, lợi thế kinh doanh được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 10 năm.

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ với giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp vào giá trị đầu tư.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tổng Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tổng Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế của Tổng Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tổng Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tổng Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần, hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4. TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Tiền mặt	298.884.789	153.088.675
Tiền gửi ngân hàng	169.540.174.982	126.719.511.110
TỔNG CỘNG	169.839.059.771	126.872.599.785

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	262.583.285.212	304.649.150.823
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên liên quan (Thuyết minh số 27)</i>		
<i>Công ty TNHH Container Sài Gòn</i>	236.501.854.470	288.624.065.151
<i>Công ty Cổ phần Dầu thực vật Thủ Đức</i>	6.468.437.258	3.581.456.393
<i>Công ty TNHH Thực phẩm Pepsico Việt Nam</i>	4.252.232.000	4.252.232.000
<i>Công ty TNHH Sumitomo Corporation Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh</i>	3.805.168.521	-
<i>Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh</i>	2.583.900.000	2.861.347.500
<i>Các khách hàng khác</i>	8.971.692.963	5.330.049.779
Trả trước cho người bán ngắn hạn	226.762.810	1.353.175.585
Phải thu ngắn hạn khác	6.409.380.246	5.306.897.108
<i>Trong đó:</i>		
<i>Lãi tiền gửi</i>	3.314.803.597	2.115.922.397
<i>Bảo hiểm bồi thường</i>	780.155.456	1.553.726.666
<i>Tạm ứng cho nhân viên</i>	756.994.400	245.675.000
<i>Khác</i>	1.557.426.793	1.391.573.045
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(5.490.803.357)	(5.490.803.357)
GIÁ TRỊ THUẬN	263.728.624.911	305.818.420.159

Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam –
Công ty Cổ phần

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Nguyên vật liệu	189.305.418.683	216.029.222.374
Thành phẩm	70.273.868.917	62.059.850.891
Hàng hóa	8.395.842.431	31.932.387.847
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.164.374.453	1.288.426.530
Công cụ, dụng cụ	2.873.044.580	3.194.449.104
TỔNG CỘNG	276.012.549.064	314.504.336.746
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(301.377.610)	-
GIÁ TRỊ THUẬN	275.711.171.454	314.504.336.746

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ngắn hạn	3.903.205.745	1.907.606.826
Chi phí tài trợ quảng cáo	2.350.762.306	624.999.999
Chi phí bảo hiểm	341.571.322	-
Công cụ, dụng cụ	264.732.107	408.924.809
Chi phí thuê	189.659.837	-
Khác	756.480.173	873.682.018
Dài hạn	22.819.170.683	25.653.846.273
Lợi thế kinh doanh	19.184.613.325	20.463.587.545
Chi phí nợ vớt, duy tu cảng	1.958.462.559	2.247.675.680
Công cụ, dụng cụ	209.401.492	323.617.297
Khác	1.466.693.307	2.618.965.751
TỔNG CỘNG	26.722.376.428	27.561.453.099

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND				
	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	172.298.435.691	221.469.297.667	4.402.652.248	3.913.996.512	402.084.382.118
Mua mới trong kỳ	-	108.000.000	366.841.818	-	474.841.818
Tăng do sáp nhập kinh doanh	-	-	668.967.429	-	668.967.429
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	172.298.435.691	221.577.297.667	5.438.461.495	3.913.996.512	403.228.191.365
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết	22.691.978.942	41.863.548.819	4.080.521.011	2.080.148.932	70.716.197.704
Giá trị hao mòn lũy kế					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	(66.499.478.871)	(130.649.350.472)	(4.374.775.516)	(2.700.599.417)	(204.224.204.276)
Khấu hao trong kỳ	(3.587.500.378)	(7.591.252.455)	(106.329.837)	(137.843.636)	(11.422.926.306)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	(70.086.979.249)	(138.240.602.927)	(4.481.105.353)	(2.838.443.053)	(215.647.130.582)
Giá trị còn lại					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	105.798.956.820	90.819.947.195	27.876.732	1.213.397.095	197.860.177.842
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	102.211.456.442	83.336.694.740	957.356.142	1.075.553.459	187.581.060.783

Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam –
Công ty Cổ phần

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	VND		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy vi tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 30 tháng 6 năm 2017	2.595.135.240	2.064.948.000	4.660.083.240
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	2.064.948.000	2.064.948.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	(1.223.297.145)	(2.064.948.000)	(3.288.245.145)
Hao mòn trong kỳ	(52.010.034)	-	(52.010.034)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	(1.275.307.179)	(2.064.948.000)	(3.340.255.179)
Giá trị còn lại			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	1.371.838.095	-	1.371.838.095
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	1.319.828.061	-	1.319.828.061

10. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	VND
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>
Nguyên giá	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 30 tháng 6 năm 2017	13.541.739.732
Giá trị hao mòn lũy kế	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	(7.770.519.220)
Khấu hao trong kỳ	(266.418.182)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	(8.036.937.402)
Giá trị còn lại	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	5.771.220.512
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	5.504.802.330

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30 tháng 6 năm 2017. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam –
Công ty Cổ phần

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

11.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	184.441.563.496	131.805.834.641
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	184.441.563.496	81.805.834.641
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	-	50.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác	100.000.000.000	-
Trái phiếu – Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	100.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	284.441.563.496	131.805.834.641

(*) Tiền gửi có kỳ hạn thể hiện khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 1 năm và có lãi suất từ 6,9 – 7,1%/năm.

11.2 Đầu tư tài chính dài hạn

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 11.2.1)	76.703.848.000	114.604.406.000
Đầu tư vào các công ty liên kết (Thuyết minh số 11.2.2)	938.164.071.361	1.099.183.414.184
Đầu tư vào đơn vị khác (Thuyết minh số 11.2.3)	21.646.946.823	-
TỔNG CỘNG	1.036.514.866.184	1.213.787.820.184
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(47.192.438.524)	(47.192.438.524)
GIÁ TRỊ THUẬN	989.322.427.660	1.166.595.381.660
<i>Trong đó:</i>		
Đầu tư vào công ty con	76.703.848.000	114.604.406.000
Đầu tư vào các công ty liên kết	890.971.632.837	1.051.990.975.660
Đầu tư vào đơn vị khác	21.646.946.823	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

11.2 Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

11.2.1 Đầu tư vào công ty con

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày như sau:

Tên công ty con	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Vốn đầu tư	%	Vốn đầu tư	%
	VND		VND	
Công ty Cổ phần Bao bì Dầu Thực vật ("VPK")	76.703.848.000	51,05	71.676.672.000	46,56
Công ty TNHH Trích ly Dầu Thực vật ("VOE") (*)	-	100,00	26.800.921.000	100,00
Công ty TNHH Thương mại Dầu Thực vật ("VOT") (*)	-	100,00	16.126.813.000	100,00
TỔNG CỘNG	76.703.848.000		114.604.406.000	

VPK là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4103001186 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 10 năm 2002 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của VPK là sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì. VPK có trụ sở và nhà máy đăng ký tại Lô 6-12 Khu Công nghiệp Tân Hiệp Thới, Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

(*) Vào ngày 28 tháng 2 năm 2017, VOE và VOT đã được sáp nhập vào Tổng Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Bất thường Số 01/NQ-HDCD ngày 20 tháng 1 năm 2017. Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của VOE và VOT vào ngày sáp nhập được trình bày như sau:

		VND	VND
	VOE	VOE	VOT
Tài sản	24.547.428.093	16.576.494.460	
Tiền	17.551.141.044	12.922.817.586	
Đầu tư ngắn hạn	3.817.853.237	2.826.954.422	
Các khoản phải thu	3.178.433.812	826.722.452	
Nợ phải trả	2.906.186.825	1.060.591.655	
Các khoản phải trả	2.894.442.556	941.250.000	
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11.744.269	119.341.655	
Tổng tài sản thuần	21.641.241.268	15.515.902.805	
Điều chỉnh theo giá trị hợp lý	8.678.718.192	2.200.221.578	
Giá trị khoản đầu tư	(26.800.921.000)	(16.126.813.000)	
Lãi từ sáp nhập kinh doanh (Thuyết minh số 20.2)	3.519.038.460	1.589.311.383	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

11.2 Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

11.2.2 Đầu tư vào các công ty liên kết

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

Tên công ty liên kết	Ngày 30 tháng 6 năm 2017			Ngày 31 tháng 12 năm 2016		
	%	Vốn đầu tư VND	Dự phòng	%	Vốn đầu tư VND	Dự phòng
Công ty TNHH Dầu Thực vật Cái Lân	24,00	572.600.582.675	-	24,00	572.600.582.675	-
Công ty Cổ phần Dầu Thực vật Tường An	27,87	247.049.222.600	-	27,00	235.221.618.600	-
Công ty TNHH Mỹ phẩm LG Vina	40,00	71.321.827.562	-	40,00	71.321.827.562	-
Công ty Dầu ăn Golden Hope Nhà Bè	49,00	47.192.438.524	(47.192.438.524)	49,00	47.192.438.524	(47.192.438.524)
Công ty TNHH Dầu Thực vật Khu vực Miền Bắc Việt Nam	-	-	-	30,00	151.200.000.000	-
Công ty Cổ phần Dầu Thực vật Tân Bình	-	-	-	17,84	21.646.946.823	-
TỔNG CỘNG		938.164.071.361	(47.192.438.524)		1.099.183.414.184	(47.192.438.524)

Công ty TNHH Dầu Thực vật Cái Lân ("Calofic") là một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đầu tư ("GCNĐT") số 2148108377 do Ban Quản lý Khu Kinh tế Quảng Ninh cấp ngày 30 tháng 12 năm 2015 và các GCNĐT điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính trong kỳ hiện tại là sản xuất và kinh doanh dầu, mỡ động, thực vật. Calofic có trụ sở đăng ký tại Khu Công nghiệp Cái Lân, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Dầu Thực vật Tường An ("TAC") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0303498754 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 9 năm 2004 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của TAC là sản xuất kinh doanh và xuất khẩu các sản phẩm chế biến từ dầu, mỡ động thực vật, từ các hạt có dầu, thạch dừa; sản xuất, kinh doanh các loại bao bì đóng gói; xuất khẩu nguyên nhiên vật liệu phục vụ sản xuất chế biến ngành dầu thực vật. TAC có trụ sở đăng ký tại số 138 - 142 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty TNHH Mỹ phẩm LG Vina ("LG Vina") là một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3600254869 do SKHĐT Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 22 tháng 10 năm 1997 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính trong kỳ hiện tại là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm mỹ phẩm. LG Vina có trụ sở đăng ký tại Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 2, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Công ty Dầu ăn Golden Hope Nhà Bè ("Golden Hope") là một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0300832672 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 9 năm 2008 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính trong kỳ hiện tại là sản xuất và kinh doanh dầu, mỡ động, thực vật. Golden Hope có trụ sở đăng ký tại số 370 Gò Ô Môi, Khu phố 2, Phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam – Công ty Cổ phần

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

11.2 Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

11.2.3 Đầu tư vào đơn vị khác

Số dư cuối kỳ thể hiện giá trị khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dầu Thực vật Tân Bình ("Nakydaco") do Tổng Công ty không còn ảnh hưởng đáng kể đối với Nakydaco kể từ ngày 28 tháng 2 năm 2017.

Nakydaco được cổ phần hóa theo Quyết định số 63/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") Công ty Cổ phần số 0303587122 ngày 10 tháng 12 năm 2004, và theo các GCNĐKKD điều chỉnh. Hoạt động chính trong kỳ hiện tại là sản xuất và kinh doanh dầu, mỡ động, thực vật. Nakydaco có trụ sở đăng ký tại số 899 Trường Chinh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 27</i>)	2.697.746.468	961.030.399
Công ty TNHH Đạt Toàn Phát	2.858.199.453	-
Baid Agro Products (PVT) Ltd	2.421.540.550	-
Denali Trading Pte Ltd	-	153.126.359.143
Wilmar Trading Pte Ltd	-	145.891.074.722
Khác	4.477.784.011	11.961.315.195
TỔNG CỘNG	<u>12.455.270.482</u>	<u>311.939.779.459</u>

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Korea Kumkang Trading Company	2.435.335.966	-
Công ty Cổ phần Huy Mai	-	1.790.868.400
Naeng Pov Import Export Company Limited	-	1.004.355.300
Khác	2.873.198.831	7.149.639.003
TỔNG CỘNG	<u>5.308.534.797</u>	<u>9.944.862.703</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

			VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2017
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(15.290.710.023)	-	(177.135.222)	(15.467.845.245)
Thuế thu nhập cá nhân	597.791.505	1.611.693.035	(1.922.237.411)	287.247.129
Tiền thuế đất	529.436.238	472.762.828	(100.780.848)	901.418.218
Thuế khác	(852.890.767)	22.582.615.180	(21.729.724.413)	-
TỔNG CỘNG	(15.016.373.047)	24.667.071.043	(23.929.877.894)	(14.279.179.898)
<i>Trong đó:</i>				
Thuế nộp thừa	(16.143.600.790)			(15.467.845.245)
Thuế phải nộp	1.127.227.743			1.188.665.347

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Chi phí tiếp thị	1.280.609.817	1.814.610.623
Chi phí lãi vay	678.859.211	352.303.975
Chi phí phải trả khác	682.685.746	2.479.330.500
TỔNG CỘNG	2.642.154.774	4.646.245.098

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ngắn hạn	14.402.806.073	69.966.842.653
Phải trả cổ phần hóa	12.716.244.592	60.195.502.292
Kinh phí công đoàn và bảo hiểm xã hội	405.310.491	507.225.831
Hàng hóa tạm mượn	-	7.247.166.472
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.281.250.990	2.016.948.058
Dài hạn	474.327.000	497.827.000
Nhận ký quỹ, ký cược	474.327.000	497.827.000
TỔNG CỘNG	14.877.133.073	70.464.669.653
<i>Trong đó:</i>		
Bên liên quan (Thuyết minh số 27)	644.935.682	8.821.551.916
Bên khác	14.232.197.391	61.643.117.737

Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam –
Công ty Cổ phần

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VAY

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Nhận tiền vay	Trả tiền vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2017
Ngắn hạn	353.381.269.190	1.627.625.156.497	(1.414.516.702.384)	566.489.723.303
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 17.1)	352.397.802.064	1.627.625.156.497	(1.414.025.079.350)	565.997.879.211
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 17.2)	983.467.126	-	(491.623.034)	491.844.092
Dài hạn	12.651.626.926	-	-	12.651.626.926
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2 (Thuyết minh số 17.2)	12.651.626.926	-	-	12.651.626.926
TỔNG CỘNG	<u>366.032.896.116</u>	<u>1.627.625.156.497</u>	<u>(1.414.516.702.384)</u>	<u>579.141.350.229</u>

17.1 Vay ngắn hạn từ ngân hàng

Tổng Công ty dùng các khoản vay tín chấp ngắn hạn từ ngân hàng thương mại nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Số cuối kỳ được trình bày như sau:

Tên ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 (VND)	Ngày đến hạn	Lãi suất (%/năm)
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	317.099.831.619	Từ ngày 11 tháng 11 năm 2017 đến ngày 29 tháng 12 năm 2017	5,0
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	168.579.021.359	Từ ngày 7 tháng 10 năm 2017 đến ngày 23 tháng 11 năm 2017	5,2
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	80.319.026.233	Từ ngày 20 tháng 4 năm 2018 đến ngày 16 tháng 6 năm 2018	5,2
TỔNG CỘNG	<u>565.997.879.211</u>		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VAY (tiếp theo)

17.2 Vay dài hạn

Tổng Công ty có khoản vay tín chấp không lãi suất với Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2 liên quan đến khoản thuê đất để xây dựng nhà máy tại Khu Công nghiệp Nhơn Trạch II, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai theo Hợp đồng thuê đất số 115/1988/HDTD ngày 12 tháng 5 năm 1988. Tổng Công ty dùng khu đất trên để góp vốn thành lập Công ty TNHH Mỹ phẩm LG Vina. Chi tiết được trình bày như sau:

<i>Bên cho vay</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày đến hạn</i>
	<i>(VND)</i>	
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	<u>13.143.471.018</u>	Ngày 12 tháng 5 năm 2028
<i>Trong đó:</i>		
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	491.844.092	
<i>Vay dài hạn</i>	12.651.626.926	

18. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	<i>VND</i>			
	<i>Ngày 31 tháng 12</i>			<i>Ngày 30 tháng 6</i>
	<i>năm 2016</i>	<i>Trích lập quỹ</i>	<i>Sử dụng quỹ</i>	<i>năm 2017</i>
Quỹ khen thưởng	3.313.855.001	9.520.000.000	(6.719.380.000)	6.114.475.001
Quỹ phúc lợi	1.904.327.151	4.080.000.000	(1.525.831.815)	4.458.495.336
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	<u>140.986.324</u>	-	-	<u>140.986.324</u>
TỔNG CỘNG	<u>5.359.168.476</u>	<u>13.600.000.000</u>	<u>(8.245.211.815)</u>	<u>10.713.956.661</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016				
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2016	1.218.000.000.000	-	51.003.347.587	1.269.003.347.587
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	159.832.976.228	159.832.976.228
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	5.100.000.000	(5.100.000.000)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(2.550.000.000)	(2.550.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>1.218.000.000.000</u>	<u>5.100.000.000</u>	<u>203.186.323.815</u>	<u>1.426.286.323.815</u>
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017				
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2017	1.218.000.000.000	5.100.000.000	315.375.155.678	1.538.475.155.678
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	93.197.573.378	93.197.573.378
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	27.200.000.000	(27.200.000.000)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(13.600.000.000)	(13.600.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>1.218.000.000.000</u>	<u>32.300.000.000</u>	<u>367.772.729.056</u>	<u>1.618.072.729.056</u>

Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam –
Công ty Cổ phần

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Vốn cổ phần		
Số đầu kỳ và số cuối kỳ	<u>1.218.000.000.000</u>	<u>1.218.000.000.000</u>

19.3 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND
Cổ phiếu đã được duyệt	121.800.000	1.218.000.000.000	121.800.000	1.218.000.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ				
Cổ phiếu phổ thông	121.800.000	1.218.000.000.000	121.800.000	1.218.000.000.000

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Tổng doanh thu	1.959.668.161.680	1.813.002.810.081
Doanh thu bán hàng hóa	1.750.021.099.979	1.559.505.165.437
Doanh thu bán thành phẩm	199.551.124.891	235.271.473.310
Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.095.936.810	18.226.171.334
Các khoản giảm trừ	(645.815.891)	(200.513.198)
Hàng bán bị trả lại	(401.497.812)	(101.699.902)
Chiết khấu thương mại	(244.318.079)	(98.813.296)
DOANH THU THUẬN	<u>1.959.022.345.789</u>	<u>1.812.802.296.883</u>
Trong đó:		
Các bên liên quan	1.551.399.977.617	1.411.020.543.650
Các bên khác	407.622.368.172	401.781.753.233

Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam –
Công ty Cổ phần

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. DOANH THU (tiếp theo)

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Cổ tức và lợi nhuận được chia	50.644.635.665	86.373.384.976
Lãi do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	30.400.000.000	-
Lãi tiền gửi ngân hàng	7.848.757.668	2.723.932.575
Lãi từ sáp nhập kinh doanh	5.108.349.843	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	4.786.671.430	3.322.155.606
TỔNG CỘNG	<u>98.788.414.606</u>	<u>92.419.473.157</u>

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Giá vốn hàng hóa đã bán	1.700.851.310.035	1.475.324.726.274
Giá vốn thành phẩm đã bán	184.856.285.346	209.805.572.558
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	7.567.998.943	13.094.144.236
TỔNG CỘNG	<u>1.893.275.594.324</u>	<u>1.698.224.443.068</u>

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí lãi vay	13.124.841.754	13.477.569.870
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.188.405.597	620.050.614
Chi phí lãi trả chậm về cổ phần hóa	-	47.479.257.700
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	(67.759.314.000)
TỔNG CỘNG	<u>14.313.247.351</u>	<u>(6.182.435.816)</u>

Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam –
Công ty Cổ phần

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
		VND
Chi phí lương	8.161.265.422	5.592.516.410
Chi phí vận chuyển	7.262.301.407	5.620.907.011
Quảng cáo và khuyến mãi	4.758.188.170	4.739.371.574
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.294.148.329	2.144.987.151
Chi phí khác	3.236.520.446	4.350.621.221
TỔNG CỘNG	<u>27.712.423.774</u>	<u>22.448.403.367</u>

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
		VND
Chi phí lương	17.420.364.758	13.668.473.496
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.751.227.278	3.460.623.781
Chi phí khấu hao và hao mòn	3.656.120.568	5.540.238.204
Chi phí khác	7.555.417.898	8.175.808.106
TỔNG CỘNG	<u>32.383.130.502</u>	<u>30.845.143.587</u>

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
		VND
Chi phí mua hàng hóa	1.700.851.310.035	1.475.324.726.274
Chi phí nguyên vật liệu	182.255.515.926	210.016.035.919
Chi phí lương	30.617.823.774	28.051.835.374
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.065.865.184	14.536.229.453
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 8, 9 và 10)	11.741.354.522	13.258.824.478
Chi phí khác	19.929.245.108	16.779.385.540
TỔNG CỘNG	<u>1.965.461.114.549</u>	<u>1.757.967.037.038</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất 20% thu nhập chịu thuế (Năm 2016: 20%).

Báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Dưới đây là đối chiếu giữa thu nhập chịu thuế TNDN và tổng lợi nhuận kế toán trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	93.197.573.378	159.832.976.228
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	18.639.514.676	31.966.595.246
<i>Điều chỉnh:</i>		
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(10.128.927.133)	(17.274.676.996)
Lỗ thuế năm trước chuyển sang	(8.510.587.543)	(14.691.918.250)
Chi phí thuế TNDN	-	-

26.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Tổng Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Tổng Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

26.2 Lỗ thuế chuyển sang các năm sau

Tổng Công ty được phép chuyển các khoản lỗ thuế sang các năm sau để bù trừ với lợi nhuận chịu thuế thu được trong vòng 5 năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Tổng Công ty có khoản lỗ thuế lũy kế ước tính là 135.458.835.196 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 178.011.772.911 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận chịu thuế phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	VND		
			Đã chuyển lỗ vào ngày 30/6/2017	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ vào ngày 30/6/2017
2012	2017	21.200.053.420	(21.200.053.420)	-	-
2013	2018	43.329.712.772	(21.352.884.295)	-	21.976.828.477
2015 (*)	2020	113.482.006.719	-	-	113.482.006.719
TỔNG CỘNG		178.011.772.911	(42.552.937.715)	-	135.458.835.196

(*) Lỗ thuế ước tính nêu trên của Tổng Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Tổng Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với số lỗ thuế lũy kế tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 nêu trên do tại thời điểm này, Tổng Công ty không thể dự tính được thu nhập chịu thuế trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Tổng Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư/nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán không cần bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Giao dịch trọng yếu của Tổng Công ty với các công ty liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
TAC	Công ty liên kết	Bán nguyên vật liệu và hàng hóa Cổ tức được nhận	1.075.688.297.035 -	1.158.054.810.610 11.615.880.000
Nakydaco	Bên liên quan	Bán nguyên vật liệu và hàng hóa Cổ tức được nhận	388.937.512.580 -	242.455.778.530 1.274.636.000
Golden Hope	Công ty liên kết	Bán nguyên vật liệu và hàng hóa Cung cấp dịch vụ	82.711.389.520 1.881.293.322	3.168.532.000 2.763.165.110
Calofic	Công ty liên kết	Cổ tức được nhận Cung cấp dịch vụ Góp vốn đầu tư	45.397.387.665 962.104.000 -	56.277.877.797 4.526.516.200 62.696.582.675
VPK	Công ty con	Mua bao bì Góp vốn đầu tư Cổ tức được nhận	1.548.444.028 - -	1.941.734.430 3.846.912.000 3.532.800.000
LG Vina	Công ty liên kết	Cổ tức được nhận	-	13.672.191.179
Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido ("KDC")	Công ty mẹ	Mua hàng hóa Bán nguyên vật liệu Cung cấp dịch vụ	5.019.294.821 850.647.300 344.908.340	92.487.415.770 - 1.946.252.840

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
TAC	Công ty liên kết	Bán nguyên vật liệu và hàng hóa	177.539.699.810	176.115.513.888
Nakydaco	Bên liên quan	Bán nguyên vật liệu và hàng hóa	41.728.998.168	45.745.441.060
Golden Hope	Công ty liên kết	Bán nguyên vật liệu và cung cấp dịch vụ	17.210.116.420	52.337.974.051
KDC	Công ty mẹ	Bán nguyên vật liệu và cung cấp dịch vụ	23.040.072	14.425.136.152
			236.501.854.470	288.624.065.151
Phải trả người bán ngắn hạn				
KDC	Công ty mẹ	Mua hàng hóa	1.934.311.677	3.423.419
VPK	Công ty con	Mua bao bì	576.308.291	906.032.468
Golden Hope	Công ty liên kết	Phí gia công	187.126.500	51.574.512
			2.697.746.468	961.030.399
Phải trả ngắn hạn khác				
TAC	Công ty liên kết	Bồi thường hàng hư hỏng	644.935.682	-
VOE	Công ty con	Chi trả hộ Mượn công dụng cụ	-	1.574.385.444
VOT	Công ty con	Mượn công dụng cụ	-	217.442.687
Golden Hope	Công ty liên kết	Mượn công dụng cụ	-	139.845.785
			644.935.682	8.821.551.916

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong kỳ như sau:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Lương và các lợi ích khác	3.563.500.000	3.723.386.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tổng Công ty hiện đang thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Dưới 1 năm	594.686.399	594.686.399
Từ 1 đến 5 năm	2.378.745.597	2.378.745.597
Trên 5 năm	15.435.687.584	15.732.216.145
TỔNG CỘNG	18.409.119.580	18.705.648.141

29. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG KỲ

- a. *Sáp nhập Công ty TNHH Trích ly Dầu Thực vật ("VOE") và Công ty TNHH Thương mại Dầu Thực vật ("VOT")*

Vào ngày 28 tháng 2 năm 2017, VOE và VOT đã được sáp nhập vào Tổng Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Bất thường Số 01/NQ-HDCD ngày 20 tháng 1 năm 2017. Theo đó, toàn bộ quyền và nghĩa vụ của VOE và VOT được chuyển giao cho Tổng Công ty. Tổng Công ty cũng đã ghi giảm giá trị khoản đầu tư của Tổng Công ty vào VOE và VOT tương ứng với số tiền lần lượt là 26.800.921.000 VND và 16.126.813.000 VND.

- b. *Chuyển nhượng khoản đầu tư trong Công ty TNHH Dầu Thực vật Khu vực Miền Bắc Việt Nam ("NORTALIC")*

Vào ngày 29 tháng 3 năm 2017, Tổng Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần sở hữu trong NORTALIC cho Công ty Musim Mas Vietnam Oils & Fats Pte Ltd theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/HĐ-VOC/2017 ngày 8 tháng 2 năm 2017. Theo đó, Tổng Công ty đã ghi giảm toàn bộ giá trị khoản đầu tư vào NORTALIC tương ứng với số tiền là 151.200.000.000 VND.

- c. *Mất quyền ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty Cổ phần Dầu Thực vật Tân Bình ("Nakydaco")*

Vào ngày 28 tháng 2 năm 2017, Tổng Công ty đã mất quyền ảnh hưởng đáng kể lên Nakydaco. Theo đó, khoản đầu tư vào Nakydaco được phân loại từ đầu tư vào công ty liên kết thành đầu tư vào đơn vị khác.

30. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Đơn vị	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
<i>Ngoại tệ</i>			
Đô la Mỹ (USD)	USD	423.596,95	156.283,55
<i>Hàng hoá nhận giữ hộ</i>			
Bao bì (nhãn, màng, nắp, chai)	Bộ	30.640	31.528
	Cái	3.508.044	3.891.032
	Kg	915	1.155

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Nguyễn Phương Minh
Người lập



Hồ Minh Sơn
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Xuân Liễu
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

